

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 4 năm 2018

Về việc: Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Phạm Đức Tuế;

2) Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKKHKT: Xóm BB 1, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm BN 2, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Xóm BB 1, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số

49, ngày 09 tháng 12 năm 2008. Việc kết hôn chị và anh Q hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn, chị và anh Q sống chung với nhau tại xóm BB 1, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu, cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng từ năm 2009, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm về lối sống. anh Q ham chơi, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Tuy được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ đầu năm 2014, anh Q thường xuyên chửi mắng chị, thậm chí vợ chồng nhiều khi xảy ra xô xát. Từ tháng 2 năm 2014, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm BN 2, xã ĐM, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/10/2009. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Tiên xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án anh xác định: Về quá trình kết hôn như chị T khai là đúng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng về sau, vợ chồng anh chị thường bất đồng quan điểm về lối sống, về xây dựng phát triển kinh tế, cách nuôi dạy con cái. Chị T không quan tâm, không tôn trọng chồng và gia đình chồng, tự ý quyết định mọi công việc và bỏ qua ý kiến của chồng. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí xảy ra xô xát. Từ đầu năm 2014, anh và chị T sống ly thân, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau, chị T đưa con về bên gia đình bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn với chị T

Về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/10/2009. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, anh Q xác định vợ chồng thỏa thuận tự phân chia. Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Q xác định vợ chồng không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh Q không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau đó chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về con chung, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật được pháp luật công nhận.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu của chị Tiên xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Q thấy: Tại phiên tòa, vắng mặt anh Q nhưng trong quá trình giải quyết, anh Q xác định: Mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh đồng ý. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

Chị T và anh U xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/10/2009. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu S, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, khi ly hôn

giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q do chị T không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét.

Chị T và anh Q xác định vợ chồng không có nợ chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cho con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/10/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung:
 - 2.1. Giao con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 31/10/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.
 - 2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q do chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.
3. Về tài sản chung: Không giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 VNĐ theo biên lai thu số 0017943 ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Q; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa(02 bản);
- THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiêm